

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10/5/2019

“V/v yêu cầu không công
nhận quan hệ vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2019 về việc “ Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đỗ Thị C; sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Phạm Ngọc H; sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 26/02/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đỗ Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị C và anh Phạm Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau và không có đăng ký kết hôn từ năm 1990, trong quá trình chung sống thì anh chị không hòa hợp, bất đồng quan điểm về kinh tế, bất đồng về quan điểm sống, anh H không lo làm ăn kinh tế trong gia đình, thường xuyên đánh đập chị C. Nay tình cảm giữa chị C và anh H không còn nên chị C yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị C và anh H là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 03 con chung là Phạm Thị Lan A, sinh năm 1990, Phạm Thế H, sinh năm 1994 và Phạm Tiến D, sinh năm 2003. Cháu A và cháu H đã thành niên và có đủ năng lực hành vi dân sự

nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu D, chị C có nguyện vọng nuôi cháu và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H thừa nhận về thời gian chung sống vợ chồng như chị C trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung trong gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã do không thống nhất được các vấn đề trong gia đình. Hiện nay, chị C yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với chị thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh H xác nhận anh và chị C có 03 người con chung như lời chị C trình bày, anh thống nhất cháu D giao cho chị C nuôi dưỡng, cháu A và cháu H đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị C yêu cầu không công nhận quan hệ giữa chị và anh H là quan hệ vợ chồng, nơi cư trú của H tại thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án về việc yêu cầu “Không công nhận quan hệ vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị C và anh Phạm Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh H không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

Xét yêu cầu không công nhận quan hệ giữa chị C và anh H là quan hệ vợ chồng thấy rằng: Hiện nay chị Đỗ Thị C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Phạm Ngọc H vì tình cảm giữa chị và anh H không còn, không thể tiếp tục sống chung, nguyên nhân là do chị và anh H không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh H cũng xác nhận nội dung chị C trình bày là đúng và cùng đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt quan hệ vợ chồng với chị C. Xét thấy việc chị C và anh H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nay mâu thuẫn phát sinh không thể tiếp tục chung sống, chị C có yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh chị là quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu của nguyên

đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Đỗ Thị C và anh Phạm Ngọc H là quan hệ vợ chồng.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Đỗ Thị C thấy rằng: Chị Đỗ Thị C có nguyện vọng sau khi không công nhận quan hệ giữa chị và H là quan hệ vợ chồng thì chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Tiến D, sinh ngày 31/8/2003, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con, anh Phạm Ngọc H cũng đồng ý với yêu cầu của chị C, cháu D cũng có nguyện vọng ở với chị C sau khi không công nhận quan hệ giữa chị C và anh H là quan hệ vợ chồng. Vì vậy cần giao con chung là Phạm Tiến D cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Đối với Phạm Thị Lan A, sinh năm 1990, Phạm Thế H, sinh năm 1994, hiện nay đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Đỗ Thị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và nợ: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án chị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009215 ngày 08/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị C đối với anh Phạm Ngọc H; Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Đỗ Thị C và anh Phạm Ngọc H là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Tiến D, sinh ngày 31/8/2003 cho chị Đỗ Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Ngọc H có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích con chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với Phạm Thị Lan A, sinh năm 1990, Phạm Thế H, sinh năm 1994, hiện nay đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo Biên lai thu số 0009215 ngày 08/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã (Phường);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Danh

